TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1769/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 920/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 411/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thanh T

Địa chỉ: Phường N, quận B, Thành phố C.

Liên lạc: phường Đ, Quận M, Thành phố C.

- Bị đơn: Ông Phạm Tiến H

Địa chỉ: Phường N, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thanh T trình bày: Bà và ông Phạm Tiến H có đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, quận B chung sống được vài năm sau kết hôn, thời gian sau đó công việc mỗi người mỗi nơi, cuộc sống kinh tế dần gặp khó khăn, nhưng bà không được chia sẽ cùng với chồng, sau đó cả hai bắt đầu có nhiều tranh cãi về tất cả các vấn đề của cuộc sống. Đỉnh điểm từ 2015 và kéo dài đến 2021, bà bế tắc và áp lực với cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng, bà và ông

Phạm Tiến H ly thân 05 năm nay. Nay bà nhận thấy tình cảm dành cho ông H đã không còn bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Tiến H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông Phạm Tiến H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Tiến H dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án theo đúng quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh T; Con chung: Không có con chung; Tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thanh T thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn ông Phạm Tiến H đang cư trú tại quận B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt: Bị đơn ông Phạm Tiến H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 26/9/2011 tại UBND Phường N, quận B, Thành phố C cấp, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T cho rằng trong quá trình chung sống hôn nhân giữa ông bà hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn và không còn hạnh phúc, bà T cũng cho rằng tuy ông bà đã kết hôn nhưng sau đó ở xa, cuộc sống khó khăn nhưng bà không chia sẽ được với chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng để mời ông H đến hòa giải đưa ra phương án đoàn tụ vợ chồng, thế nhưng gia đình ông H có người nhận thay giao cho ông H nhưng ông vẫn không đến tham gia hòa giải cũng như không tham gia phiên Tòa, đều đó cho thấy ý ông H không muốn hòa giải đoàn tụ cùng bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp nhưng bà T và ông H trong cuộc sống lại không quan tâm chia sẽ chăm sóc nhau. Trong bản tự khai bà T cũng cho rằng đã ly thân với ông H khoảng 05 năm và khẳng định đã hết tình cảm với ông H. Do đó đối với yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có mặt của ông H nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thanh T phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh T về yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Tiến H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Phạm Tiến H (Giấy chứng nhận kết hôn 93 ngày 26/9/2011 tại tại UBND Phường N, quận B, Thành phố C cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Bà T khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có mặt của ông H nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thanh T phải chịu nhưng được cấn trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0023695 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố C.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
-UBND Phường 5, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh